

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TCN23B** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH01074** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Giáo dục thể chất**
Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2356201203552	Đỗ Duy	Anh	11/03/2008				5	8.0	6.0			7.0		6.8
2	2356201203553	Nguyễn Thị Bích	Chi	13/11/2008				5	8.0	7.0			7.0		7.0
3	2356201203554	Đoàn Vũ Hương	Giang	18/11/2008				6	9.0	7.0			9.0		8.4
4	2356201203555	Huỳnh Minh	Khang	16/04/2008				7	10.0	6.0			9.0		8.5
5	2356201203556	Nguyễn Phúc	Khang	04/05/2008				9	6.0	8.0			8.0		7.8
6	2356201203557	Đặng Bùi Ngọc	Kiều	04/04/2008				10	9.0	7.0			8.0		8.2
7	2356201203558	Nguyễn Lê Huỳnh An	Kỳ	15/05/2008				9	8.0	5.0			9.0		8.2
8	2356201203559	Lê Thị Thanh	Nga	25/04/2008				7	8.0	8.0			9.0		8.5
9	2356201203560	Đinh Nguyễn Ngọc Trúc	Ngân	20/04/1990				10	8.0	9.0			8.0		8.3
10	2356201203561	Trần Phát	Sang	16/11/2004				8	10.0	10.0			8.0		8.6
11	2356201203562	Nguyễn Tô Thị Trúc	Thanh	07/09/2008				5	9.0	7.0			8.0		7.8
12	2356201203563	Ngô Chí	Thắng	21/05/2008				5	7.0	6.0			8.0		7.3
13	2356201203564	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	10/10/2008				6	8.0	8.0			7.0		7.2
14	2356201203565	Lê Ngọc Bảo	Trân	07/07/2008				8	9.0	8.0			8.0		8.2
15	2356201203566	Bùi Thanh	Tuấn	11/12/2005				10	10.0	10.0			9.0		9.4
16	2356201203567	Lý Tuấn	Vĩ	19/09/2008				8	6.0	7.0			0.0		2.7
17	2356201203568	Trịnh Thị Phi	Yến	06/01/2008				7	8.0	10.0			7.0		7.6

Châu Đốc, ngày 24 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm